

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH - TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 10 – 2021
V/v: Ly hôn, phân chia tài sản của gia đình
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nhung, bà Lê Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 30 tháng 09 đến 07 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, phân chia tài sản của gia đình khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 09 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Có mặt.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn K

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Bích Th

Địa chỉ: Số xx, đường N, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Kh

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Có mặt.

- Chị Nguyễn Hoa Đ

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh
Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Tr

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh
Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1979, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K tổ chức lễ cưới có sự chứng kiến của họ hàng hai bên và cơ quan nơi hai ông bà công tác cũng như hàng xóm láng giềng, bạn bè đôi bên, sau đó hai ông bà đã về chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, sinh đẻ và nuôi dạy các con, quá trình chung sống chính quyền và mọi người ai cũng biết và nghiêm nhiên thừa nhận hai ông bà là vợ chồng. Tuy nhiên, từ năm 2017, đời sống chung của hai ông bà mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân với nhau từ đó.

Hai ông bà sinh được 3 người con gồm Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Hoa Đ, đến nay đều đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình, sinh sống thoát ly bố mẹ.

Hai ông bà tạo lập được khối tài sản gồm:

- 01 thửa đất ở và đất vườn, số thửa 249, tờ bản đồ số 3 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 4.793,9m², trong đó bao gồm 400m² đất ở và 4.393,9m² đất trồng cây lâu năm, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lần đầu vào sổ cấp giấy chứng nhận số 422 QSDĐ ngày 28/10/1998 đứng tên ông Nguyễn K, tức là ông Nguyễn Văn K; cấp đổi vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00152 ngày 05/07/2001 đứng tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T), giá trị 632.868.000đ.

- 01 ngôi nhà 03 gian cấp 4, khung gỗ, lợp ngói, tường xây gạch, diện tích 63m² (được làm trên khuôn viên đất ở và đất vườn của hai ông bà), giá trị 58.212.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

- 01 rạp che nắng lợp tôn, xây bao lửng, diện tích 40m² gắn liền với nhà, giá trị 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- 01 thửa đất lâm nghiệp, số thửa 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 8.697m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00252 ngày 30/08/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T), giá trị 52.614.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 755.094.000đ

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn K; yêu cầu được chia tài sản chung của gia đình với tỷ phần bà được hưởng có giá trị bằng 70% giá trị đất ở và đất vườn cộng với 50% giá trị các tài sản còn lại trong số nêu trên, ưu tiên cho bà được nhận hiện vật nhà ở.

Ông Nguyễn Văn K đồng ý ly hôn với bà T và yêu cầu được chia 50% giá trị toàn bộ số tài sản nêu trên, đồng ý giao hiện vật nhà ở cho bà T.

Ông Nguyễn Văn Tr, em trai bà T đồng ý phân chia toàn bộ thửa đất ở và đất vườn cho bà T và ông K nhưng đề nghị phân chia cho bà T phần nhiều hơn vì đây là thửa đất do bố mẹ bà T và ông Tr khai hoang, sử dụng, tôn tạo từ trước ngày 18/12/1980, sau đó để lại cho vợ chồng bà T – ông K sử dụng.

Các chị Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Hoa Đ trong các đơn trình bày ý kiến và các bản khai đều có yêu cầu được chia một phần đất lâm nghiệp tương ứng với công sức đóng góp của các chị vào việc khai hoang tạo lập thửa đất lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 8.697m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vào sổ cấp cấp giấy chứng nhận: CH 00252 ngày 30/08/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T). Tuy nhiên đến trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cả ba chị đều rút yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án chia toàn bộ thửa đất lâm nghiệp cho hai ông bà T, K theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong các đơn trình bày ý kiến, trong các bản khai, hai ông bà K, T còn kê khai gia đình còn có đất trồng lúa, trồng hoa màu được chính quyền xã Kỳ Trung giao để sản xuất nông nghiệp (đến nay đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng hai ông bà vẫn tiếp tục sử dụng trên thực địa không bị chính quyền đình chỉ); 01 thửa đất lâm nghiệp khai hoang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vùng Khe Ngang, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 2.563,1m²; hai con trâu; tiền mặt do mỗi người giữ một phần; xe máy; sập đựng lúa; đường ngủ; máy gặt và một số dụng cụ sản xuất nông nghiệp khác; đồ dùng sinh hoạt; diện tích 8.697m² cây keo lá tràm 4 năm tuổi (được trồng trên khuôn viên đất lâm nghiệp của hai ông bà) và có yêu cầu Tòa án phân chia. Nhưng đến trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cả hai ông bà K, T đều rút yêu cầu Tòa án phân chia số tài sản này để hai ông bà tự giải quyết với nhau.

Theo lời khai của hai ông bà K, T và theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ còn xác định được, sau khi sống ly thân với bà T, ông K còn tự mình trồng được diện tích 2.563,1m² cây keo lá tràm 4 năm tuổi trên khuôn viên đất lâm

ngiệp khai hoang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích cây keo lá tràm này, ông K và bà T cũng không yêu cầu Tòa án phân chia.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về tình cảm: Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K.

Về tài sản chung: Căn cứ các Điều 28, 29, 33, 38, 59, 65 Luật Hôn nhân và gia đình phân chia tài sản chung như sau:

* *Giao cho bà Nguyễn Thị T được sở hữu các tài sản gồm:*

- 2.594,3 m² đất nằm ở phía Đông – Bắc của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 3 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có hai mặt giáp đường, trong đó có 200m² đất ở và 2.394,3m² đất trồng cây lâu năm.

- 4.348,5m² đất lâm nghiệp tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 02 vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, nằm ở vị trí phía Tây - Bắc của thửa đất.

- 01 căn nhà cấp 4, ba gian, khung gỗ, lợp ngói, tường xây gạch diện tích 63m².

- 01 rạp che lợp tôn, xây bao lửng, diện tích 40m².

Tổng giá trị tài sản mà bà T được giao sở hữu, sử dụng là **440.835.000đ** (Bốn trăm bốn mươi triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đưa lại cho ông Nguyễn Văn K **34.806.000đ** (Ba mươi tư triệu, tám trăm linh sáu nghìn đồng) tiền chia đôi căn nhà và rạp che.

* *Giao cho ông Nguyễn Văn K được sở hữu các tài sản gồm:*

- 2.199,6m² đất nằm ở phía Tây – Nam thửa đất số 249, tờ bản đồ số 03 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, chỉ có một mặt giáp đường, trong đó có 200m² đất ở và 1.999,6m² đất trồng cây lâu năm.

- 4.348,5m² đất lâm nghiệp tại thửa số 18, tờ bản đồ số 02 vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, nằm ở vị trí phía Đông – Nam của thửa đất.

Tổng giá trị tài sản mà ông Nguyễn Văn K được giao sở hữu, sử dụng là **314.259.000đ** (Ba trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng) và ông K được nhận thêm tại bà T **34.806.000đ** (Ba mươi tư triệu, tám trăm linh sáu nghìn đồng) tiền chia đôi căn nhà và rạp che.

Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vụ án không có yếu tố nước ngoài, cho nên theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình thu thập, công khai, đánh giá, xem xét chứng cứ, hòa giải, chuẩn bị xét xử và tiến hành tố tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh – tỉnh Hà Tĩnh cơ bản thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời hạn luật định, đảm bảo đầy đủ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát cũng như các quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Việc xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, ban đầu Tòa án có thiếu sót: Không điều tra được địa chỉ của ông Nguyễn Văn Tr để triệu tập làm việc và đưa vào tham gia tố tụng với tư cách “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã điều tra được địa chỉ của ông Tr và cho tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập ông Tr tham gia tố tụng với tư cách “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”, thông báo cho ông Tr biết về việc thụ lý vụ án; công khai và tạo điều kiện cho ông Tr tiếp cận các tài liệu chứng cứ của vụ án; lấy lời khai và ý kiến của ông Tr đồng thời công khai, tạo điều kiện cho các đương sự khác tiếp cận các tài liệu, chứng cứ do ông Tr cung cấp, cho nên thiếu sót của Tòa án đã được khắc phục xong. Tất cả các đương sự trong vụ án đều không có thắc mắc khiếu nại gì và đề nghị tiếp tục xét xử vụ án.

Trong các đơn trình bày ý kiến, trong các bản khai, hai ông bà K, T kê khai gia đình còn có đất trồng lúa, đất trồng hoa màu được chính quyền xã Kỳ Trung giao để sản xuất nông nghiệp (đến nay đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng hai ông bà vẫn tiếp tục sử dụng trên thực địa không bị chính quyền đình chỉ); 01 thửa đất lâm nghiệp khai hoang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vùng Khe Ngang, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 2.563,1m²; hai con trâu; tiền mặt do mỗi người giữ một phần; xe máy; sập đựng lúa; đường ngủ; máy gặt và một số dụng cụ sản xuất nông nghiệp khác; đồ dùng sinh hoạt; diện tích 8.697m² cây keo lá tràm 4 năm tuổi (được trồng trên khuôn viên đất lâm nghiệp của hai ông bà) và có yêu cầu Tòa án phân chia. Nhưng đến trước khi tiến hành tranh tụng, thẩm vấn tại phiên tòa, cả hai ông bà K, T đều rút yêu cầu Tòa án phân chia số tài sản này để hai ông bà tự giải quyết với nhau, do

đó căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết các yêu cầu phân chia số tài sản này.

Các chị Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Hoa Đ trong các đơn trình bày ý kiến và các bản khai đều có yêu cầu được chia một phần đất lâm nghiệp tương ứng với công sức đóng góp của các chị vào việc khai hoang tạo lập thửa đất lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 8.697m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vào sổ cấp cấp giấy chứng nhận: CH 00252 ngày 30/08/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thìn). Tuy nhiên đến trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cả ba chị đều rút yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án chia toàn bộ thửa đất lâm nghiệp này cho hai ông bà T, K theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết các yêu cầu của ba chị Th, Kh, Đ.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị Bích Th và ông Nguyễn Văn Tr, tuy nhiên nhiên chị Th và ông Tr đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và ông Tr.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Mặc dù bà T và ông K không xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng hai ông bà đã tổ chức lễ hỏi, lễ cưới từ năm 1979, đã về chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, sinh đẻ và nuôi dạy các con, được họ hàng hai bên, cơ quan, chính quyền và hàng xóm láng giềng, bạn bè thừa nhận là vợ chồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điểm a Đoạn 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Đoạn 1 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, Điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp thì mối quan hệ của hai ông bà được thừa nhận là quan hệ vợ chồng từ ngày hai ông bà cưới nhau. Đến nay tình cảm hai ông bà mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống và hai ông bà đều mong muốn được ly hôn, cho nên Tòa án căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận cho hai ông bà được thuận tình ly hôn.

[3]. Về con:

Hiện nay cả 3 con của hai ông bà K, T là các chị Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Hoa Đ đều đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình, sinh sống

thoát ly bố mẹ, cho nên Tòa án không giải quyết việc giao các con cho ông hoặc bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4]. Về tài sản:

Căn cứ các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình, xét hiện trạng tài sản, K năng tạo lập nhà ở, nghề nghiệp của mỗi bên vợ, chồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần phân chia như sau:

Giao cho bà T được quyền sở hữu, sử dụng

+ Phần đất ở và đất vườn diện tích là 2.594,3m² nằm ở phía Đông – Bắc của thửa đất ở và đất vườn số 249, tờ bản đồ số 3 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 200m² đất ở và 2.394,3m² đất trồng cây lâu năm, giá trị: 344.916.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

+ 01 ngôi nhà (nằm trên phần đất vừa nêu), giá trị 58.212.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

+ 01 Rạp che nắng, mưa gắn liền với nhà, giá trị 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Phần đất lâm nghiệp diện tích 4.348,5m² nằm ở phía Tây – Bắc của thửa đất số lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị 26.307.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bà T được giao sở hữu, sử dụng là: **440.835.000đ.**

Giao cho ông K được quyền sử dụng

+ Phần đất ở và đất vườn diện tích 2.199,6m² nằm ở phía Tây – Nam của thửa đất ở và đất vườn số 249, tờ bản đồ số 3 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 200m² đất ở và 1.999,6m² đất trồng cây lâu năm, giá trị 287.952.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Phần đất lâm nghiệp diện tích 4.348,5m² nằm ở phía Đông – Nam của thửa đất lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị 26.307.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản ông K được giao sở hữu, sử dụng là **314.259.000đ.**

(Như vậy, giá trị tài sản mà bà T được giao sở hữu, sử dụng nhiều hơn 126.576.000đ so với giá trị tài sản mà ông K được giao sở hữu, sử dụng).

[5]. Xét thấy: Trong thửa đất ở và đất vườn diện tích 4.793,9m² của vợ chồng bà T – ông K hiện nay có 4.700m² đất nguồn gốc là do vợ chồng ông bà Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị X, bố mẹ của bà T cùng với bà T và ông Nguyễn Văn Tr, em trai của bà T khai hoang sử dụng, bảo vệ, tôn tạo từ trước ngày

18/12/1980. Diện tích đất 4.700m² này đến năm 1983, khi cả bố và mẹ bà T đều đã chết thì để lại cho ông Nguyễn Văn Tr, em trai của bà T sử dụng, bảo vệ và tôn tạo; đến năm 1985, ông Tr không sử dụng nữa thì ông Hoàng Y, người cùng xã đến chẳng dây có ý định chiếm đất, gia đình ông bà K – T đã kịp thời đưa nhà của mình về làm trên thửa đất đó nên bảo vệ được đất và sử dụng từ đó đến nay. Trong quá trình sử dụng 4.700m² đất này, vợ chồng ông bà K – T khai hoang thêm 93,9m² đất, thời gian khai hoang từ trước ngày 15/10/1993 rồi nhập chung vào thửa đất do bố mẹ bà T để lại. Đến nay, chính quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận cho vợ chồng ông bà K – T được quyền sử dụng toàn bộ 4.793,9m² đất ở và đất vườn mà không thu tiền sử dụng đất do đất có nguồn gốc khai hoang sử dụng ổn định, liên tục từ trước ngày 18/12/1980.

[6]. Vì bà T là người thừa hưởng công sức khai hoang, bảo vệ, tôn tạo đất từ bố mẹ và em trai của bà đối với phần lớn diện tích đất ở và đất vườn, sau đó bà lại tiếp tục cùng với ông K bảo vệ, sử dụng, tôn tạo diện tích đất này và cùng với ông K khai hoang thêm một phần đất nữa, cho nên bà T có công sức đóng góp chủ yếu vào việc hình thành quyền sử dụng đối với thửa đất ở và đất vườn của vợ chồng ông K - bà T hiện nay, tỷ lệ đóng góp của bà T khoảng hơn 60%. Còn ông K có công cùng với bà T bảo vệ, sử dụng, tôn tạo đất, khai hoang thêm một phần nhỏ đất nữa và làm các thủ tục để được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó ông K có công sức đóng góp ít hơn, tỷ lệ đóng góp của ông K khoảng gần 40%. Tức là bà T có công sức đóng góp vào vào việc hình thành quyền sử dụng đối với thửa đất ở và đất vườn nhiều hơn ông K khoảng hơn 20%.

[7]. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì việc phân chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn phải tính đến công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, do đó tuy bà T được giao kỷ phần tài sản có giá trị nhiều hơn so với ông K 126.576.000đ (tương đương với khoảng hơn 20% giá trị thửa đất ở và đất vườn do bố mẹ bà T để lại), nhưng bà T không có nghĩa vụ phải đưa lại cho ông K tiền chênh lệch giá trị tài sản được giao.

[8]. Theo quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình, sau ly hôn, nếu ông K có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong ngôi nhà đã giao cho bà T trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực để ông K tạo lập chỗ ở mới.

[9]. Quá trình chuẩn bị xét xử, bà T đã nộp cho Tòa án 15.000.000đ tiền tạm ứng chi phí tố tụng để xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh

chấp trong vụ án, trong đó xem xét thẩm định tại chỗ chi hết 12.746.000đ, định giá tài sản chi hết 2.260.000đ. Theo Khoản 3 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Khoản 2 Điều 165, Khoản 1 Điều 166 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì ông K phải chịu chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 12.746.000đ/2 + Chi phí định giá tài sản 314.259.000đ/755.094.000đ x 2.260.000đ = 7.179.000đ. Số tiền này ông K phải đưa lại cho bà T vì bà T đã nộp tạm ứng trước toàn bộ chi phí tố tụng (bao gồm cả nộp thay phần của ông K). Bà T phải chịu 7.821.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 15.000.000đ mà bà T đã nộp trước, nay bà T không phải nộp thêm.

[10]. Đối với thửa đất lâm nghiệp thứ hai tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 2.563,1m², hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa được xác định số thửa trong bản đồ địa chính thì từ trước khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cả bà T và ông K đều rút yêu cầu phân chia thửa đất này, đến phiên tòa ông K bổ sung yêu cầu được phân chia. Việc ông K bổ sung yêu cầu phân chia thửa đất này là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu, căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu của ông K, không phân chia thửa đất này cho hai vợ chồng. Tuy nhiên, thửa đất này ông K và bà T khai hoang sử dụng từ trước ngày 15/10/1993, hiện nay hai ông bà đang quản lý, sử dụng mà không bị chính quyền ngăn cấm, cho nên hai ông bà được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia trong một vụ án khác hoặc cũng có thể tự phân định ranh giới tạm giao mỗi người tạm thời quản lý, sử dụng một phần của thửa đất và trực tiếp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để xem xét có được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà mình được tạm giao tạm thời quản lý sử dụng hay không.

[11]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điểm a, b Khoản 1 Điều 24, các Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

- Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng);
- Bà T và ông K phải chịu án phí chia tài sản: 20.000.000đ + 4% x (755.094.000đ – 400.000.000đ) = 34.204.000đ, trong đó kỷ phần của bà T là: 440.835.000đ/755.094.000đ x 34.204.000đ = 19.969.000đ; kỷ phần của ông K là: 314.259.000đ/755.094.000đ x 34.204.000đ = 14.235.000đ.

Bà T được khấu trừ 5.300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

[12]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy, các đương sự Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Hoa Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 28, 35, 39, 147, Khoản 3 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Khoản 2 Điều 165, Khoản 1 Điều 166, các Điều 227, 228, 244, 259, 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điểm a, b Khoản 1 Điều 24, các Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

- Điều 55, 59, 62, 63 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K.

- Về tài sản:

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng:

+ Phần đất ở và đất vườn diện tích là 2.594.3m² nằm ở phía Đông – Bắc của thửa đất đất ở và đất vườn số 249, tờ bản đồ số 3 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 200m² đất ở và 2.394,3m² đất trồng cây lâu năm, giá trị: 344.916.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

+ 01 ngôi nhà (nằm trên phần đất vừa nêu), giá trị 58.212.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

+ 01 Rạp che nắng, mưa gắn liền với nhà, giá trị 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Phần đất lâm nghiệp diện tích 4.348,5m² nằm ở phía Tây – Bắc của thửa đất số lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị 26.307.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bà T được giao sở hữu, sử dụng là: **440.835.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).**

Giao cho ông Nguyễn Văn K được quyền sử dụng

+ Phần đất ở và đất vườn diện tích 2.199,6m² nằm ở phía Tây – Nam của thửa đất ở và đất vườn số 249, tờ bản đồ số 3 tại thôn Bắc Sơn, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 200m² đất ở và 1.999,6m² đất trồng cây lâu năm, giá trị 287.952.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Phần đất lâm nghiệp diện tích 4.348,5m² nằm ở phía Đông – Nam của thửa đất lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị 26.307.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản ông K được giao sở hữu, sử dụng là **314.259.000đ (Ba trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).**

Vị trí, kích thước các phần đất được giao cho bà T, ông K có sơ đồ kèm theo Bản án này.

Ông Nguyễn Văn K được quyền lưu cư trong ngôi nhà đã giao cho bà Nguyễn Thị T trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực để ông tạo lập chỗ ở mới.

- Về chi phí tố tụng:

+ Buộc ông Nguyễn Văn K phải đưa lại cho bà Nguyễn Thị T **7.179.000đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng)** chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

+ Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu **7.821.000đ (Bảy triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng)** chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) mà bà T đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo các phiếu thu ngày 11/03/2021 và ngày 09/09/2021, nay bà T không phải nộp thêm chi phí tố tụng.

- Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Bích Th, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Hoa Đ về việc phân chia số tài sản gồm đất trồng lúa, đất trồng hoa màu được chính quyền xã Kỳ Trung giao để sản xuất nông nghiệp; 01 thửa đất lâm nghiệp khai hoang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vùng Khe Ngang, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 2.563,1m²; hai con trâu; tiền mặt do ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T mỗi người giữ một phần; xe máy; sập

đựng lúa; đường ngủ; máy gặt và một số dụng cụ sản xuất nông nghiệp khác; đồ dùng sinh hoạt; diện tích 8.697m² cây keo lá tràm 4 năm tuổi (được trồng trên khuôn viên thửa đất lâm nghiệp số 18, tờ bản đồ số 02 tại vùng Khe Ngang, tiểu khu 347A, khoảnh 1, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh).

Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 19.969.000đ (Mười chín triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí chia tài sản, nhưng được khấu trừ 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005647 ngày 14/10/2020, còn lại **14.969.000đ (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng)** tiền án phí bà T phải nộp tiếp.

Buộc ông Nguyễn Văn K phải nộp **14.235.000đ (Mười bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng)** án phí chia tài sản.

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Hoa Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Bích Th, ông Nguyễn Văn Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Kỳ Anh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THA DS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Văn thư.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Tùng